

Số: *116* /2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày *15* tháng *12* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6219/TTr-STC ngày 04 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, gồm:

a) Diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;

c) Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 7 và điểm d, điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

- a) Cơ quan chuyên môn;
- b) Tổ chức hành chính khác;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức

1. Đối với cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu nhiệm vụ đặc thù tối đa là 220 m².

b) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đặc thù, quy mô, biên chế và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu nhiệm vụ đặc thù tối đa là 200 m².

b) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đặc thù, quy mô, biên chế và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

3. Diện tích quy định tại Điều này không bao gồm diện tích phòng chờ, vệ sinh, hành lang và diện tích phụ trợ khác.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp.

a) Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Diện tích công trình sự nghiệp của các trường hợp khác ngoài diện tích công trình sự nghiệp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị mình và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.

3. Sau khi ban hành Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp theo phân cấp thẩm quyền tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị.

b) Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

c) Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (cũ) bãi bỏ Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung có liên quan được thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THL. *MJ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam